

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGÂN SƠN  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2020/DS-ST**

Ngày: 05-8-2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÂN SƠN, TỈNH BẮC KẠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thái Công.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hoàng Thị Huyền.
2. Ông Doanh Thiêm Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lý Sinh Hà.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Tô Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lèo Thiên Th, sinh năm 1980 - Địa chỉ: Khu A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1976 - Địa chỉ: Khu A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Sầm Đức Tùng - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn - Chi nhánh huyện Ngân Sơn. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 25/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lèo Thiên Th trình bày:*

Năm 2013, do tin tưởng và là bạn bè với nhau từ lâu nên bà Lèo Thiên Th, sinh năm 1980, có hộ khẩu thường trú tại Khu A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn có cho ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1976, có địa chỉ tại Khu A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn vay số tiền 50.000.000 đồng và 01 chiếc nhẫn vàng ta có trọng lượng là 05 chỉ. Sau khi vay, ông Đ trả cho bà Th 01 lần với số tiền là 6.000.000 đồng, 01 lần với số tiền 5.000.000 đồng (qua mua thẻ điện thoại) và 01 chỉ vàng. Do

cần tiền để giải quyết công việc gia đình, bà Lèo Thiên Th đã nhiều lần gọi điện thoại cho ông Nguyễn Minh Đ để yêu cầu ông Đ phải trả số tiền và vàng đã vay nhưng ông Đ không nghe máy. Vì vậy, bà Th đã làm đơn gửi tới Công an huyện Ngân Sơn để yêu cầu giải quyết vụ việc. Ngày 10/8/2016, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn, Công an huyện Ngân Sơn đã trực tiếp mời hai bên đến để giải quyết vụ việc theo đề nghị của bà Lèo Thiên Th. Tại buổi làm việc này, ông Nguyễn Minh Đ thừa nhận có được vay của bà Th số tiền 50.000.000 đồng và 01 chiếc nhẫn vàng 05 chỉ, tuy nhiên ông Đ lại nói đã trả cho bà Th số tiền 25.000.000 đồng và 01 chỉ vàng, bà Th không chấp nhận ý kiến của ông Đ đưa ra tại buổi làm việc trên. Sau thời điểm đó, ông Đ tiếp tục trả cho bà Th số tiền 13.000.000 đồng, chia làm 03 lần qua đường bưu điện, ngoài ra ông Đ không trả tiền, vàng đã vay cho bà Th thêm lần nào nữa. Nay bà Lèo Thiên Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Minh Đ thanh toán số tiền và vàng đã vay là 04 chỉ vàng ta (quy ra giá thị trường hiện nay) và 26.000.000 đồng.

- Trong bản tự khai và biên bản làm việc tại Tòa án, bị đơn Nguyễn Minh Đ trình bày: Ông Nguyễn Minh Đ thừa nhận khoảng năm 2013, không nhớ ngày tháng cụ thể, ông có vay của bà Lèo Thiên Th, sinh năm 1980 có địa chỉ tại khu A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn số tiền 50.000.000 đồng và 05 chỉ vàng ta. Tính đến thời điểm hiện nay, ông Nguyễn Minh Đ đã trả cho bà Lèo Thiên Th được số tiền 43.000.000 đồng và 01 chỉ vàng ta. Số tiền ông Đ trả bà Th không phải một lần mà chia thành nhiều lần, ở nhiều thời điểm khác nhau với tổng số tiền mặt ông Đ trả cho bà Th là 24.000.000 đồng. Hình thức ông Đ trả tiền cho bà Th là trả qua bưu điện và 01 lần trả qua giá trị thẻ nạp điện thoại di động (theo giá trị số lượng thẻ nạp điện thoại di động quy ra tiền là 19.000.000 đồng). Tổng các khoản tiền ông Nguyễn Minh Đ đã trả cho bà Lèo Thiên Th là 43.000.000 đồng. Nay ông Đ chấp nhận trả bà Thanh số tiền còn nợ là 7.000.000 đồng và 04 chỉ vàng ta.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, ông Nguyễn Minh Đ cho rằng việc trao đổi, mua bán thẻ điện thoại giữa bà Đồng Thị Th với ông Đ thì ông không biết là có ai biết hay không, chỉ có bản thân ông Đ, bà Đồng Thị Th và bà Lèo Thiên Th biết cũng như việc bà Th cho ông Đ tiền thì cũng không ai biết. Từ cuối năm 2012 đến đầu năm 2015, ông Đ và bà Th chung sống, ăn, ngủ và ở với nhau. Trong thời gian này bà Th cho ông Đ 50.000.000 đồng và 05 chỉ vàng để ông Đ chi tiêu, ăn uống cho cả hai người và đi du lịch, mua quần áo. Còn bản thân ông Đ được bà Th cho chứ ông Đ không vay và đến đầu năm 2015 thì ông Đ và bà Th không còn ở với nhau. Bà Th có hỏi tiền ông Đ thì ông Đ nói với bà Th là số tiền và số vàng kia ông Đ và bà Th cùng chi tiêu, cùng đi chơi và ông Đ cũng đã gửi lại bà Th quá một nửa số tiền của hai người ăn ở, đi chơi, mua sắm quần áo. Vậy đến nay bà Th kiện ông thì ông Đ không biết là vì mục đích gì, còn bản thân ông Nguyễn Minh Đ nếu như vay bà Th phải có giấy tờ và người làm chứng, còn đây là cho nhau để sinh hoạt hàng ngày, ăn uống, đi chơi của hai người. Trong thời gian chung sống với nhau, bà Lèo Thiên Th cũng đã lấy tiền của ông để mua đồ dùng và mua tủ bán hàng với số tiền là 11.500.000 đồng. Nay ông Nguyễn Minh Đ yêu cầu bà Lèo Thiên Th cho xin lại.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục gửi, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng tất cả đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, 474, 477 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Buộc ông Nguyễn Minh Đ phải trả cho bà Lèo Thiên Th 04 chỉ vàng ta và số tiền 26.000.000 đồng.

2. Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Minh Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày bản luận cứ bảo vệ trình bày đề nghị Tòa án xem xét toàn bộ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua xét xử công khai tại phiên tòa, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên xử buộc buộc ông Nguyễn Minh Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Lèo Thiên Th số tài sản đã vay là 04 chỉ vàng ta và số tiền 26.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập đầy đủ lời khai của nguyên đơn, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn đã thực hiện việc thu thập chứng cứ phục vụ cho việc giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật qua việc hai bên đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như việc Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, hai bên đương sự không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Tại phiên tòa, qua lời trình bày của các đương sự kết hợp với việc thẩm tra các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

Sự việc ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1976, có địa chỉ tại Khu A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn vay tài sản với bà Lèo Thiên Th, sinh năm 1980, có địa chỉ tại Khu A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn là có thật do đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh vì được cả hai bên đương sự đều thừa nhận. Tổng số tài sản vay giữa ông Nguyễn Minh Đ và bà Lèo Thiên Th gồm có số tiền 50.000.000 đồng và 05 chỉ vàng. Hợp đồng vay tài sản được giao kết bằng miệng, không lập thành hợp đồng bằng văn bản và trong hợp đồng không có thỏa thuận cụ thể về thời gian trả nợ cũng như không có thỏa thuận về tính lãi suất, do vậy, đây là hợp đồng vay mượn không kỳ hạn, giao dịch bằng lời nói thỏa mãn về hình thức theo quy định tại Điều 124, Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005. Sau khi vay, ông Đ trả cho bà Th 01 lần với số tiền là 6.000.000 đồng, 01 lần với số tiền 5.000.000 đồng (thông qua việc mua thẻ điện thoại gửi cho bà Th) và 01 chỉ vàng. Sau thời điểm đó, ông Đ tiếp tục trả cho bà Th số tiền 13.000.000 đồng, chia làm 03 lần qua đường bưu điện.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, trong bản tự khai, và tại các phiên hòa giải, hai bên đương sự đã thống nhất được cụ thể số tiền mặt ông Nguyễn Minh Đ đã trả cho bà Lèo Thiên Th là 24.000.000 đồng và 01 chỉ vàng ta. Hai bên đương sự cũng thống nhất được về số tài sản là vàng ta mà ông Nguyễn Minh Đ còn phải trả cho bà Lèo Thiên Th là 04 chỉ vàng, ngoài ra tại buổi làm việc tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã B được Công an huyện Ngân Sơn mời các bên đến để giải quyết vụ việc nêu trên của các bên đương sự, thì ông Đ đã thừa nhận được vay số tiền và vàng như bà Th đã trình bày. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày hôm nay, ông Đ không nhất trí trả cho bà Th số tài sản nêu trên. Hai bên đương sự có mâu thuẫn trong lời khai đối với số tiền 19.000.000 đồng là giá trị quy đổi ra tiền mặt của số thẻ điện thoại di động Viettel và số tiền 11.500.000 đồng mà theo ông Nguyễn Minh Đ trình bày là số tiền mà bà Lèo Thiên Th lấy của ông để mua đồ dùng và mua tủ bán hàng trong thời gian còn chung sống với nhau .

Đối với khoản tiền 19.000.000 đồng nói trên, ông Nguyễn Minh Đ cho rằng đây là số tiền ông đã bỏ ra để mua một số lượng thẻ điện thoại di động Viettel với bà Đồng Thị Th là nhân viên của cửa hàng Viettel huyện Ngân Sơn, ông Nguyễn Minh Đ là người trực tiếp đưa tiền cho bà Đồng Thị Th và cũng là người trực tiếp mang số thẻ điện thoại di động mua được nói trên đưa cho bà Lèo Thiên Th. Tính đến thời điểm hiện tại thì ông Nguyễn Minh Đ chỉ còn nợ bà Lèo Thiên Th số tiền 7.000.000 đồng và 04 chỉ vàng ta.

Đối với khoản tiền 19.000.000 đồng nói trên, bà Lèo Thiên Th không đồng ý với ý kiến của ông Nguyễn Minh Đ đưa ra. Bà Lèo Thiên Th vẫn yêu cầu ông Nguyễn Minh Đ phải trả bà số tiền mặt còn nợ là 26.000.000 đồng và 04 chỉ vàng.

Do các đương sự có mâu thuẫn trong lời khai, Tòa án đã tiến hành xác minh:

Tại biên bản xác minh của Tòa án tại Viettel huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn với đại diện là ông Triệu Hoàng Quảng - Giám đốc Viettel huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn cho biết là vào thời điểm năm 2012 - 2013 thì chị Đồng Thị Th có làm việc tại Trung tâm Viettel huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Tuy nhiên việc giao, nhận thẻ điện thoại di động là do nhân viên tự chủ động thực hiện và tự quản lý. Thời gian Tòa án cần lấy thông tin từ thời điểm năm 2012 - 2013 là không cụ thể nên đơn vị không nắm được và không có sổ sách, hóa đơn theo dõi. Hiện nay thì chị Đồng Thị Th không còn làm việc tại Viettel Bắc Kạn. Chị Th đã chuyển sang Chi nhánh Bru chính Viettel Bắc Kạn từ tháng 7/2018, sau đó đã nghỉ việc.

Tại biên bản xác minh của Tòa án với ông Phan Trường Giang - Trưởng Công an xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn cho biết là chị Đồng Thị Th, sinh năm 1984 trước đây có làm việc tại Trung tâm Viettel Ngân Sơn thì có hộ khẩu thường trú tại khu A, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn nhưng hiện tại chị Th không có mặt tại địa phương. Chị Đồng Thị Th đã đi khỏi địa phương từ khoảng đầu năm 2019. Khi đi, chị Th không thông báo cho chính quyền địa phương. Hiện nay, chị Đồng Thị Th vẫn có hộ khẩu thường trú tại khu 2, xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn (chị Th chưa cắt, chuyển hộ khẩu) nhưng không có mặt tại địa phương. Do chị Th không khai báo, cung cấp địa chỉ mới cho Công an xã B nên hiện tại Công an xã không nắm được chị Đồng Thị Th hiện đang cư trú tại đâu.

Đối với số tiền 11.500.000 đồng là số tiền theo ông Nguyễn Minh Đ trình bày thì đây là số tiền bà Lèo Thiên Th lấy của ông để mua đồ dùng và mua tủ bán hàng trong thời gian còn chung sống với nhau. Nay ông Đ yêu cầu bà Th cho xin lại số tiền này. Đối với yêu cầu này của ông Nguyễn Minh Đ, Hội đồng xét xử xác định đây chỉ là ý kiến của ông trình bày trong quá trình Tòa án ghi lời khai, chưa có đủ thủ tục và căn cứ để Tòa án xem xét, giải quyết về yêu cầu phản tố theo quy định của pháp luật.

Qua nghiên cứu, xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đối chiếu các quy định của pháp luật thì Hội đồng xét xử nhận thấy chứng cứ mà đương sự Nguyễn Minh Đ đưa ra là chưa đủ căn cứ để xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, bởi lẽ:

Căn cứ quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về nghĩa vụ chứng minh có quy định:

*“1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...”*

*2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.*

...

*4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.”*

Để có căn cứ xem xét, giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật và đúng quy luật của thị trường, Tòa án đã có văn bản xin ý kiến chuyên môn về việc khảo sát giá đối với loại vàng ta (vàng 9999) gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Tại văn bản trả lời, quý phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Ngân Sơn xác định đối với loại vàng 9999 thì có giá trị từ 5.400.000 đồng/chỉ đến 5.600.000 đồng/chỉ. Ngoài ra, ngày 04/8/2020, Tòa án cũng đã tiến hành thu thập chứng cứ, tham khảo giá thị trường tại hai cửa hàng vàng bạc tại địa bàn xã B, huyện Ngân Sơn thì chủ cửa hàng vàng bạc V T (địa chỉ Khu A, xã B, huyện Ngân Sơn) và cửa hàng vàng bạc D D (địa chỉ Khu C, xã B, huyện Ngân Sơn), thì hai chủ cửa hàng vàng bạc này cung cấp giá vàng ta loại vàng trang sức tại thời điểm xét xử sơ thẩm có giá là 5.485.000 đồng. Do vậy cần tính giá vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 5.485.000 đồng (giá quy đổi để tính án phí cho đương sự).

Đối với số tài sản phải xem xét trong vụ án này là 04 chỉ vàng thì có giá trị là: 4 x 5.485.000 = 21.940.000 đồng.

Từ việc thẩm tra các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và việc nghiên cứu lời khai của các đương sự, các biên bản xác minh có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lèo Thiên Th. Buộc ông Nguyễn Minh Đ phải trả cho bà Lèo Thiên Th số tài sản đã vay gồm có số tiền 26.000.000 đồng và 04 chỉ vàng ta là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn Minh Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, 474, 477 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lèo Thiên Th đối với bị đơn ông Nguyễn Minh Đ về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Buộc ông Nguyễn Minh Đ phải trả cho bà Lèo Thiên Th 04 chỉ vàng ta và số tiền đã vay là 26.000.000 đồng.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên*

*phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

## 2. Về án phí:

Buộc bị đơn Nguyễn Minh Đ phải chịu 1.097.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần trả nợ vàng và 1.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần trả nợ tiền. Tổng cộng cả hai khoản án phí bị đơn phải nộp ngân sách Nhà nước là 2.397.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngân Sơn;
- Chi cục THADS huyện Ngân Sơn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thái Công**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Huyền**

**Doanh Thiêm Vân**

**Nguyễn Thái Công**